TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2019/HS-PT
Ngày 16 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết
Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà L1 Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Trương Minh T4 cùng đồng bọn do có kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Trần Duy K, Phan Văn T6, Trần Quốc N2, Dương Thanh T5, Trương Minh T4, Nguyễn Hồng N1 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cái N.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Họ và tên: Huỳnh Quốc T1, sinh năm 1976 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp Rạch L, xã Lợi A, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Huỳnh Văn Bang (Ban) và bà Huỳnh Thị Vân; Vợ: L1 Thanh T4; Con: 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: xấu; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Họ và tên: Trương Minh T4, sinh năm 1973 tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp 1, xã Khánh T, huyện U M, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm vuông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Trương Minh Thân (Thận) và bà Nguyễn Thị Máy; Vợ: Phạm Tuyết Ngoan; Con: 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Duy K, sinh năm 1994 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Khánh Đĩ; Nơi cư trú: Ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm vuông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Trần Văn Giới và bà Liễu Hồng Lụa; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Dương Thanh T5, sinh năm 1981 tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Số 124/16 Phạm Hồng Thám, Khóm 1, Phường 4, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Dương Hòa Huấn và bà Nguyễn Thị Lệ; Chồng, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phan Văn T6, sinh năm 1980 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Công T, xã Trần T, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: T4 xế; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Phan Út An và bà Nguyễn Thị Vân; Vợ: Trần Thị D; Con: 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1955 tại huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Trần Thị L, Trần Thị N; Nơi cư trú: ấp Rạch Lăng, xã Lợi An, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Trần Văn Mừng và bà Nguyễn Thị Tiền; Chồng: Nguyễn Trung V (đã ly hôn); Con: 05 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Trần Quốc N2, sinh năm 1987 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Phú Thịnh; Nơi cư trú: Ấp Nguyễn Q, thị trấn Cái N, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: T4 xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Trần Văn Sáu và bà Hồ Thị Thu; Vợ: Nguyễn Thị Giang; Con: 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo không kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Họ và tên: L1 Văn V, sinh năm 1960 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: ấp Lộ X, xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm vuông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: L1 Văn Tổng và bà Nguyễn Thị Đằng;

Vợ: Nguyễn Thị Lũy; Con: 04 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: xấu; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: L1 Thị X, sinh năm 1964 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp Lộ Xe, xã Phú Hưng, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: L1 Văn Tổng và bà Nguyễn Thị Đằng; Chồng: Ngô Văn Dũng (đã ly hôn); Con: 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: L1 Thanh T2, sinh năm 1974 tại huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp Rạch L, xã Lợi A, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: L1 Văn Thành và bà Nguyễn Thị Lưỡng; Chồng: Huỳnh Quốc T1; Con: 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giam, tạm giữ: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Thái Thành L1, sinh năm 1983 tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp Bến Kinh, xã Mỹ Long B, huyện Cầu N, tỉnh Trà Vinh; Tạm trú: ấp Rạch L, xã Lợi A, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Thái Sơn Tùng và bà L1 Thị Bé; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến nay. Vắng mặt.

5. Họ và tên: Võ Văn T3, sinh năm 1995 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp Lộ X, xã Phú H, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Võ Văn Thơm và bà Quách Mỹ Linh; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Thiều Văn L2, sinh năm 1990 tại huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp Giải P, xã Tân Hưng Đ, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm vuông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Thiều Văn Sơn và bà Chung Thị Quyến; Vợ: Dương Thị Bích Phương; Con: 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018 cho tại ngoại đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông/bà: Lương Thị Ngọc H1, Trần Thị D, Nguyễn Thị Hạnh N3, Trương Thị

Phương, Nguyễn Kim H2, Châu Tuyết H3, Phạm Kiều T7, Nguyễn Văn T8, Phạm Văn T9, Trần Thị A, Phạm Văn T10, Huỳnh Thị M1, Hồ Hữu B, Ngô Ý N4, Phan Thị M2, L1 Văn U, Trần Thị Huyền N5 (không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T4 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 19/11/2017, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cà Mau bắt quả tang tại nhà của bị cáo L1 Thị X có Trương Văn T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1, Trần Duy K, Nguyễn Văn Kết đang đánh bài ấn độ ăn thua bằng tiền. Lực lượng thu giữ trên chiếu bạc số tiền 14.710.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo 16.410.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng cộng số tiền dùng đánh bạc 31.120.000 đồng.

Quá trình điều tra chứng minh được: Vào khoảng đầu tháng 11/2017, Huỳnh Quốc T1 bàn bạc với L1 Văn V đến hỏi thuê nhà của L1 Thị X là em ruột của V để tổ chức đánh bạc ăn tiền để thu tiền xâu chia nhau thì V đồng ý. Sau đó cả hai đến gặp trực tiếp X đặt vấn đề dùng nhà của X tổ chức cho các con bạc đánh bạc ăn tiền để thu tiền xâu chia nhau tiêu xài thì X đồng ý. Tại đây, cả ba T1 nhất với nhau ăn chia theo tỷ lệ nếu sau khi đối trừ chi phí thu được như sau: T1 40%, V và X mỗi người 30%.

Để tổ chức đánh bạc, T1 thuê Thiều Văn L2 và Võ Văn T3 canh đường phía ngoài nhà (trong cổng rào và xung quanh nhà), nhiệm vụ khi nào có người đến liên hệ đánh bạc thì L2 hoặc T3 gọi điện thoại di động báo cho T1 và V biết, nếu T1 và V đồng ý thì cho vào; nếu phát hiện người lạ mặt hoặc công an thì thông báo cho T1 và V để giải tán. Ngoài ra, T1 còn thuê Thái Thành L1 canh cửa phía trong nhà, nhiệm vụ là mở cửa cho các con bạc ra vào nhà theo yêu cầu của T1 và V, T1 trả cho L2, T3, L1 mỗi người 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày và bao ăn uống.

Về phân chia nhiệm vụ giữa T1 và V như sau: T1 trực tiếp liên hệ với các con bạc để tập trung lại tại nhà của X, sau đó tổ chức các hình thức chơi và thu tiền xâu. T1 và V giữ trật tự bên trong sòng bạc; dụng cụ (bài) đánh bạc do X cung cấp, ngoài ra X còn bán cơm, nước cho các con bạc để thu lợi; L1 Thanh T4 là vợ của T1 được phân công thu tiền xâu theo tỷ lệ người chơi (người ngồi tụ) thắng 1.000.000 đồng thì thu tiền xâu 20.000 đồng, thủ cái thắng 10 bàn thì thu tiền xâu 100.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ ngày 18/11/2017, T1 liên hệ tập hợp các con bạc đến nhà X để sát phạt nhau. Sau đó lần lượt các con bạc đến nhà X, có một số đến chơi một lúc rồi ra về, có số ở lại đến khi bị bắt quả tang. Hình thức đánh bạc của các đối tượng là chơi bài binh (ấn độ) 06 lá bỏ các cây bài tây.

Khi bắt quả tang thì Trương Minh T4 và Trần Duy K đang hùn thủ cái; Dương Thanh T5, Nguyễn Văn Kết và Phan Văn T6 mỗi người ngồi một tụ. Riêng tụ của T5 thì có Trần Quốc N2 và Nguyễn Hồng N1 ngồi bên ngoài tham gia ké, mỗi tụ đặt dao động từ 50.000 đồng đến 600.000 đồng/lần.

Ngoài ra còn nhiều đối tượng khác có tham gia đánh bạc nhưng đã nghỉ trước và đã bị công an huyện Cái N ra quyết định xử phạt hành chính.

Đối với Nguyễn Văn Kết đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan điều tra đã tạm đình chỉ điều tra và ra Quyết định truy nã bị can.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cái N quyết định:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Huỳnh Quốc T1, L1 Văn V, L1 Thị X, Thái Thành L1, Thiều Văn L2, Võ Văn T3 và L1 Thanh T4 phạm tội "Tổ chức đánh bạc". Các bị cáo Trương Minh T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1, Trần Duy K phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Huỳnh Quốc T1 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 238 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Thái Thành L1 01 (Một) năm 07 (Bảy) ngày tù. Thời hạn tù bằng với thời gian tạm giữ, tạm giam nên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: L1 Văn V 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: L1 Thị X 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Thiều Văn L2 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Võ Văn T3 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: L1 Thanh T4 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo L1 Thanh T4 cho Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Trương Minh T4 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Phan Văn T6 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Dương Thanh T5 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Trần Quốc N2 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Trần Duy K (Khánh đĩ) 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Nguyễn Hồng N1 (Trần Thị N, Trần Thị L) 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

2. Về vật chứng của vụ án: (theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, T4 sản ngày 10/8/2018).

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 02 ốp nhang muỗi, 01 cái gối, 01 cái mền, 01 chiếc chiếu, 01 cái áo khoát, 01 cây đèn pin, 12 bộ bài tây đã qua sử dụng, 03 cây (30 bộ) bài tây hiệu APP PLAYING CARDS.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Huỳnh Quốc T1, 01 điện thoại di động hiệu FPT màu trắng và 01 điện thoại hiệu Hphone màu đen của Thái Thành L1 và số tiền 31.260.000 đồng (số tiền L1 Thanh T4 thu tiền xâu là 140.000 đồng và 31.120.000 đồng các bị dùng để đánh bạc (14.710.000 đồng thu trên chiếu bạc, thu của bị cáo Khánh 200.000 đồng, của bị cáo T6 2.630.000 đồng, của bị cáo N2 13.020.000 đồng và của Nguyễn Văn Kết 560.000 đồng).

- Trả lại cho Phạm Văn T10 01 chiếc xe môtô biển số 69K5-3815, 01 điện thoại di động Iphone 4 màu đen và 460.000 đồng; trả cho Trương Thị P 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; trả cho L1 Văn U 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 160.000 đồng; trả cho Hồ Hữu B 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng; trả cho Phan Thị M2 số tiền 4.180.000 đồng.

- Giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N tiếp tục quản lý 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen của Nguyễn Văn Kết để xử lý sau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, bị cáo Trần Quốc N2, Dương Thanh T5, Phan Văn T6 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, bị cáo Trần Duy K có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, bị cáo Huỳnh Quốc T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, các bị cáo Nguyễn Hồng N1, Trương Minh T4 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 543/QĐ – VKS ngày 10/12/2018 với nội dung:

- Tăng hình phạt đối với các bị cáo: L1 Văn V, L1 Thị X, Võ Văn T3, Thiều Văn L2.

- Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "người phạm tội tự thú" đối với các bị cáo Huỳnh Quốc T1, L1 Văn V, L1 Thị X, Võ Văn T3, Thiều Văn L2, Thái Thành L1, L1 Thanh T4.

- Không áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Thái Thành L1.

- Không áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Quốc T1.

- Tịch thu tiêu hủy 09 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

Ngày 18/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N có Quyết định số 77/QĐ – VKS về việc rút một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm nêu trên đối với nội dung:

- Tăng hình phạt đối với các bị cáo: L1 Văn V, L1 Thị X, Võ Văn T3, Thiều Văn L2.

- Không áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Thái Thành L1.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung kháng nghị còn lại của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Trần Duy K, Phan Văn T6, Trần Quốc N2, Dương Thanh T5, Trương Minh T4, Nguyễn Hồng N1, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T4 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Huỳnh Quốc T1 cùng đồng bọn là L1 Văn V, L1 Thị X, Thiều Văn L2, Võ Văn T3, Thái Thành L1, L1 Thanh T4 có hành vi tổ chức cho nhiều đối tượng đánh bạc với tại tại nhà của bị cáo X.

Vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 19/11/2017, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cà Mau bắt quả tang tại nhà bị cáo X có các đối tượng Trương Văn T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1, Trần Duy K, Nguyễn Văn Kết đang đánh bài ấn độ ăn thua bằng tiền. Lực lượng thu giữ trên chiếu bạc số tiền 14.710.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo 16.410.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã xử.

Như vậy, tổng số tiền của các bị cáo dùng để đánh bạc bao gồm tiền thu trên chiếu bạc và tiền thu trên người các bị cáo với tổng số tiền là 31.120.000 đồng.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cái N xét xử các bị cáo Huỳnh Quốc T1, L1 Văn V, L1 Thị X, Thái Thành L1, Thiều Văn L2, Võ Văn T3 và L1 Thanh T4 phạm tội "Tổ chức đánh bạc" theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Các bị cáo Trương Văn T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1, Trần Duy K phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N và kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Trần Duy K, Phan Văn T6, Trần Quốc N2, Dương Thanh T5, Trương Minh T4, Nguyễn Hồng N1 và thấy rằng:

[2.1]. Ngoài lần bị bắt do phạm tội quả tang, các bị cáo T1, V, X, T3, L2, L1, T2 đã tự nguyện khai ra việc tổ chức cho các con bạc đánh bài ăn tiền, cụ thể là: T1, V, X, L2, L1 khai tham gia tổ chức 6 lần trước khi bị bắt, bị cáo T3 khai

tham gia 3 lần trước khi bị bắt, bị cáo T2 khai tham gia 2 lần trước khi bị bắt. Án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ là "Người phạm tội tự thú" theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo T1, V, X, T3, L2, L1, T2 là chưa đúng. Bởi lẽ, theo tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao và điểm h khoản 1 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định:

"Tự thú là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện."

Như vậy, việc khai báo của các bị cáo chưa đủ cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Trường hợp các bị cáo khai báo có đủ cơ sở xác định hành vi các bị cáo khai báo có phát sinh tội phạm mới hoặc bị áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần thì mới áp dụng tình tiết người phạm tội tự thú.

[2.2]. Đối với bị cáo Huỳnh Quốc T1 có chú ruột là ông Huỳnh Văn Biện là liệt sĩ; cha ruột của bị cáo là ông Huỳnh Văn Ban không phải là người có công với cách mạng nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 mà chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Đối với 09 bộ bài tây chưa qua sử dụng, án sơ thẩm không xem xét xử lý, các bị cáo không có kháng cáo về việc án sơ thẩm không xử lý; Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân huyện Cái N có kháng nghị phần này. Do đó, cấp phúc thẩm xem xét xử lý 09 bộ bài tây chưa qua sử dụng theo hướng tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[2.4]. Về trách nhiệm hình sự của các bị cáo phạm tội đánh bạc: Án sơ thẩm xử phạt 03 tháng tù đối với các bị cáo Trương Minh T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1, Trần Duy K là mức thấp nhấp về hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Đồng thời, việc áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là cần thiết, nhằm đảm bảo tính răng đe và phòng ngừa chung cho tòa xã hội về tệ nạn cờ bạc.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.5]. Đối với nội dung kháng nghị: Tăng hình phạt đối với các bị cáo L1 Văn V, L1 Thị X, Võ Văn T3, Thiều Văn L2. Không áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Thái Thành L1. Ngày 18/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N có Quyết định số 77/QĐ – VKS về việc rút nội dung kháng nghị này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[3]. Đối với các bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc, thấy rằng: Các bị cáo có cấu kết chặt chẽ, có phân công vai trò cụ thể. Trong đó, Huỳnh Quốc T1 với vai trò là kẻ chủ mưu, là người khởi xướng việc mở sòng bạc cho người khác đánh bạc nhằm mục đích thu tiền xâu để hưởng lợi bất chính. L1 Văn V tham gia với vai trò giúp sức giữ trật tự tại sòng bạc; L1 Thị X dùng nhà của mình để tổ chức đánh bạc và có chia lợi nhuận với Huỳnh Văn T1; L1 Thanh T4; Thái Thành L1; Thiều Văn L2; Võ Văn T3 tham gia giúp sức với vai trò, làm nhiệm vụ thu tiền xâu, canh cửa và cảnh giới.

Do đó, xét về vai trò và nhân thân của các bị cáo thì bị cáo T1 phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với các bị cáo còn lại. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo T1 01 (một) năm 01 (một) tháng tù, bị cáo V và bị cáo X mỗi bị cáo 03 tháng là nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, Viện kiểm sát không có kháng nghị tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử giữ y hình phạt án sơ thẩm đã tuyên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị phần kháng nghị còn lại của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Trương Minh T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1 và Trần Duy K về hình phạt.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Trương Minh T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1 và Trần Duy K phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5]. Án sơ thẩm đối với phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N đã rút có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, đ khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo: L1 Văn V, L1 Thị X, Võ Văn T3, Thiều Văn L2 và không áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Thái Thành L1.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cái N.

Không áp dụng: Điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tự thú" đối với các bị cáo Huỳnh Quốc T1, L1 Văn V, L1 Thị X, Võ Văn T3, Thiều Văn L2, Thái Thành L1, L1 Thanh T4.

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 và khoản 2 (trừ bị cáo Trương Minh T4 không được áp dụng khoản 2) Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Trương Minh T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1, Trần Duy K.
- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Huỳnh Quốc T1.

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

- Bị cáo Huỳnh Quốc T1 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù về tội "*Tổ chức đánh bạc"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2017 đến ngày 12/02/2018.

- Bị cáo Trương Minh T4 03 (Ba) tháng tù về tội *"Đánh bạc"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Bị cáo Phan Văn T6 03 (Ba) tháng tù về tội *"Đánh bạc"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Bị cáo Dương Thanh T5 03 (Ba) tháng tù về tội *"Đánh bạc"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Bị cáo Trần Quốc N2 03 (Ba) tháng tù về tội *"Đánh bạc"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Bị cáo Trần Duy K (Khánh đĩ) 03 (Ba) tháng tù về tội *"Đánh bạc"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

- Bị cáo Nguyễn Hồng N1 (Trần Thị N, Trần Thị L) 03 (Ba) tháng tù về tội *"Đánh bạc"*. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 28/11/2017.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 09 bộ bài tây chưa qua sử dụng. Các phần xử lý vật chứng khác tại bản án sơ thẩm được giữ y.

Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Quốc T1, Trương Minh T4, Phan Văn T6, Dương Thanh T5, Trần Quốc N2, Nguyễn Hồng N1 và Trần Duy K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Án sơ thẩm đối với phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái N đã rút có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ việc xét xử phúc thẩm (ngày tuyên án phúc thẩm). Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái N;
- Công an huyện Cái N;
- Vks nhân dân huyện Cái N;
- Chi cục THADS huyện Cái N;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chung Văn Kết